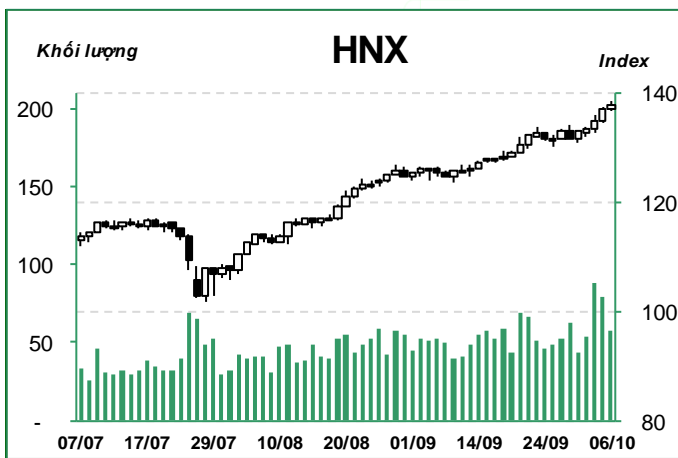
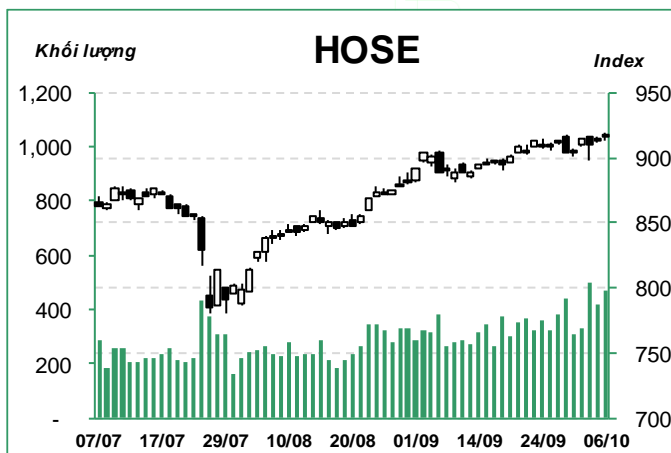


Tổng quan thị trường

06/10/2020	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá trị đóng cửa	915.67	0.11%	871.37	0.42%	137.77	0.43%
Cuối tuần trước	909.91	0.63%	861.51	1.14%	134.91	2.12%
Trung bình 20 ngày	906.05	1.06%	849.54	2.57%	131.81	4.53%
Tổng KLGD (triệu cp)	496.13	8.78%	156.22	20.98%	58.81	-26.70%
KLGD khớp lệnh	472.55	12.31%	148.28	28.84%	58.13	-26.70%
Trung bình 20 ngày	363.38	30.04%	104.36	42.09%	58.01	0.22%
Tổng GTGD (tỷ đồng)	8,205.02	12.36%	3,938.52	32.14%	759.55	-20.86%
GTGD khớp lệnh	7,305.50	13.20%	3,546.68	32.88%	749.87	-19.77%
Trung bình 20 ngày	6,032.11	21.11%	2,692.21	31.74%	703.68	6.56%
	Tỷ trọng		Tỷ trọng		Tỷ trọng	
Số mã tăng	212	44%	14	47%	86	24%
Số mã giảm	174	36%	12	40%	63	18%
Số mã đứng giá	91	19%	4	13%	206	58%



Hòa cùng xu hướng tăng điểm của thị trường chứng khoán thế giới, TTCK Việt Nam cũng tiếp tục duy trì sắc xanh trong phiên hôm nay. Các chỉ số chỉ đóng cửa tăng nhẹ, dù thanh khoản gia tăng đáng kể, đặc biệt sự quay trở lại của dòng tiền ở nhóm cổ phiếu trụ. Điều này cho thấy áp lực chốt lời đã bắt đầu xuất hiện nhiều hơn.

Trên sàn HoSE, VN-Index chỉ tăng gần 1 điểm và đóng cửa tại mức 915.67 điểm (+0.11%). KLGD khớp lệnh đạt 472.5 triệu cổ phiếu (+12.3%), tương đương 7,305 tỷ đồng giá trị (+13.2%). Độ rộng thị trường vẫn nghiêng về bên mua với 212 mã tăng so với 174 mã giảm.

Các cổ phiếu trụ cột có sự phân hóa trong phiên hôm nay. Trong đó, Hòa Phát-HPG (+3.3%) là cổ phiếu tích cực nhất sau khi tập đoàn này công bố thông tin kết quả kinh doanh tháng 9 tích cực, cùng với việc được khối ngoại mua ròng mạnh. Theo sau là các mã khác như Masan-MSN (+3.6%), Vietcombank-VCB (+0.5%) và Sabeco-SAB (+1.0%). Bên cạnh đó, một số cổ phiếu penny cũng bất ngờ tăng mạnh cùng thanh khoản cao đáng chú ý như KCN Tân Tạo-ITA (+6.9%), Tập đoàn FLC-FLC (+6.6%), Địa ốc Hoàng Quân-HQC (+6.4%),... Ở chiều ngược lại, những cổ phiếu chịu áp lực điều chỉnh nhiều nhất là Vingroup-VIC (-1.6%), Vietinbank-CTG (-1.1%), Đầu tư Cầu đường CII-LGC (-6.9%) và Vinamilk-VNM (-0.3%).

Về giao dịch của khối ngoại, khối này đã bán ròng cổ phiếu trên sàn HoSE trong hôm nay với giá trị 83.2 tỷ đồng (-64.3%). Lực bán tập trung ở các mã như Vinamilk-VNM (-105.5 tỷ), Vietinbank-CTG (-37.4 tỷ) và Vingroup-VIC (-30.4 tỷ). Trong khi đó, Hòa Phát-HPG (+96.4 tỷ) được khối ngoại mua ròng mạnh trong phiên thứ 2 liên tiếp. Bên cạnh đó, khối ngoại

Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
HOSE		
VCB	2,518.2	211.27
NVL	960.0	58.61
MBB	2,762.0	49.72
MSN	669.0	38.54
PC1	1,674.4	35.58
NHH	500.0	27.50
BMP	437.1	26.87
NLG	878.0	23.34
PAC	745.0	18.25
CTI	1,140.0	16.53
HNX		
SHS	200.0	2.60
TAR	120.0	2.48
DIH	99.3	1.44
BVS	70.2	0.88
GKM	48.0	0.80
NRC	52.8	0.67
TIG	57.9	0.41
SJE	12.8	0.24
ACB	5.2	0.11
VC9	8.0	0.04

cũng mua ròng các mã như Đất Xanh-DXG (+16.7 tỷ) và MBBank-MBB (+13.4 tỷ).

Trên sàn Hà Nội, HNX-Index cũng không còn duy trì được mức tăng mạnh hơn 1% như những phiên gần đây. Chỉ số chốt phiên tại mức 137.77 điểm (+0.43%). Thanh khoản sụt giảm phiên thứ 2 liên tiếp với KLGD khớp lệnh đạt 58.1 triệu cổ phiếu (-26.7%), tương đương 749.9 tỷ đồng giá trị (-19.8%).

Trong đó, Ngân hàng Á Châu-ACB (+1.7%), Lâm nghiệp Việt Nam-VIF (+3.6%), Idico-IDC (+2.5%) và Khách sạn Đại Dương-OCH (+7.5%) là những cổ phiếu đóng góp nhiều nhất cho đà tăng điểm của HNX-Index. Ngược lại, Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (-1.3%), Vicostone-VCS (-0.9%), Thaiholdings-THD (-2.1%) và Vinaconex-VCG (-0.5%) là những cổ phiếu giảm điểm tiêu cực nhất.

Khối ngoại đã trở lại bán ròng trên sàn HNX, đạt giá trị 2.8 tỷ đồng. Áp lực bán tập trung ở các mã như Mía đường Sơn La-SLS (-0.8 tỷ), Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (-0.8 tỷ), Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội-SHS (-0.7 tỷ) trong khi những cổ phiếu được mua ròng nhiều là Dược Phẩm TW3-DP3 (+0.5 tỷ), Sonadezi Long Bình-SZB (+0.2 tỷ), Chứng khoán Bảo Việt-BVS (+0.2 tỷ).

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm thứ hai liên tiếp. Khối lượng giao dịch gia tăng và duy trì trên mức bình quân 10 và 20 phiên, hàm ý dòng tiền gia nhập thị trường tích cực. Không những vậy, chỉ số tiếp tục đóng cửa trên hầu hết các đường MA quan trọng từ MA5 tới MA200, cùng với chùm MA 5, 10, 20 có tín hiệu phân kỳ dương tích cực, cho thấy xu hướng phục hồi đang tiếp diễn. Trong trường hợp tích cực, chỉ số có cơ hội hướng lên thử thách vùng kháng cự mạnh quanh 940 điểm (Fib 127.2). Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Chỉ số có phiên tăng điểm thứ năm liên tiếp và duy trì đóng cửa trên MA5 cùng với chùm MA5, 10, 20 ở trạng thái phân kỳ dương tích cực, cho thấy xu hướng phục hồi đang tiếp diễn. Chỉ số có cơ hội tiến lên thử thách ngưỡng kháng cự gần quanh 138.3 (đỉnh 2018) và xa hơn có thể quanh vùng kháng cự tâm lý 150 điểm. Nhìn chung, phiên tăng điểm ngày 06/10 cho thấy thị trường vẫn đang trong xu hướng phục hồi và có cơ hội hướng lên thử thách các vùng kháng cự cao hơn. Do đó, chúng tôi duy trì khuyến nghị, nhà đầu tư nên tận dụng các phiên rung lắc kỹ thuật để tái cơ cấu lại danh mục vào các cổ phiếu mạnh, có cơ bản tốt, dự báo kết quả quý 3 khả quan.

Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

HOSE

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
MCP	35.2	0.6	7.0%
QBS	2.5	286.8	7.0%
DAT	30.1	3.3	6.9%
OGC	7.6	3,251.0	6.9%
ITA	4.9	31,901.3	6.9%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
ASG	46.6	25.0	-7.0%
SMA	9.9	5.5	-7.0%
TIX	28.9	0.0	-6.9%
DTL	7.8	2.8	-6.9%
LGC	58.2	0.2	-6.9%

Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	28.3	655.9	3.3%
STB	14.2	380.9	3.7%
TCH	21.6	277.3	2.1%
MSN	58.0	252.7	3.6%
VNM	107.0	218.9	-0.3%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
ITA	4.9	31,901.3	6.9%
FLC	4.1	30,367.0	6.6%
STB	14.2	27,112.1	3.7%
HPG	28.3	23,609.7	3.3%
HQC	1.8	21,259.7	6.4%

HNX

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
ACM	1.1	1,015.0	10.0%
FID	1.1	9.1	10.0%
VGP	26.6	3.7	9.9%
BPC	12.3	0.1	9.8%
POT	15.7	0.7	9.0%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
PPP	12.1	4.1	-9.7%
VE4	5.8	25.2	-9.4%
SD4	4.3	2.0	-8.5%
ADC	14.1	0.1	-8.4%
MAS	36.0	0.1	-7.9%

Top 5 giá trị

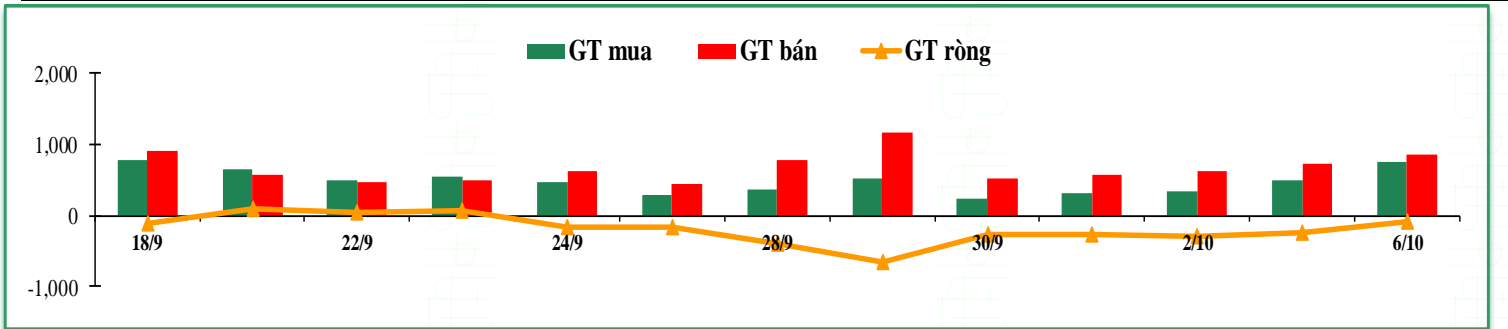
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
ACB	24.0	262.4	1.7%
PVS	14.2	68.6	0.0%
SHS	12.9	50.5	-0.8%
SHB	15.4	45.1	-1.3%
NVB	9.5	45.0	2.2%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
ACB	24.0	10,977.5	1.7%
PVS	14.2	4,835.0	0.0%
NVB	9.5	4,764.3	2.2%
SHS	12.9	3,878.3	-0.8%
KLF	1.9	3,375.4	5.6%

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	761.2	10.4%	844.4	11.6%	-83.2
HNX	3.7	0.5%	6.5	0.9%	-2.8
Tổng số	764.9		850.9		-86.0



HOSE

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VCB	83.9	261.3	0.5%
HPG	28.3	139.8	3.3%
MBB	17.9	62.5	0.9%
MSN	58.0	41.9	3.6%
DXG	11.4	17.6	4.1%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VCB	83.9	251.6	0.5%
VNM	107.0	116.0	-0.3%
MSN	58.0	51.5	3.6%
MBB	17.9	49.2	0.9%
CTG	27.2	47.5	-1.1%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	28.3	96.4	3.3%
DXG	11.4	16.7	4.1%
MBB	17.9	13.4	0.9%
VCB	83.9	9.7	0.5%
TCH	21.6	7.6	2.1%

HNX

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
BVS	12.7	1.1	1.6%
DP3	83.7	0.5	0.8%
SHS	12.9	0.3	-0.8%
PVS	14.2	0.3	0.0%
SZB	29.7	0.2	0.0%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHS	12.9	1.0	-0.8%
SLS	79.8	0.9	5.1%
BVS	12.7	0.9	1.6%
SHB	15.4	0.8	-1.3%
VCS	77.2	0.7	-0.9%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
DP3	83.7	0.5	0.8%
SZB	29.7	0.2	0.0%
BVS	12.7	0.2	1.6%
PVS	14.2	0.2	0.0%
DXP	13.4	0.2	-4.3%

Tin trong nước

Nửa triệu tỷ đồng đã được bơm thêm ra nền kinh tế trong 9 tháng đầu năm

Theo báo cáo về tăng trưởng tín dụng 9 tháng đầu năm của NHNN, tín dụng toàn hệ thống đến 30/9/2020 đã tăng 6,09% so với cuối năm 2019. Với mức tăng trưởng này, các nhà phân tích của công ty chứng khoán Bảo Việt (BVSC) ước tính có khoảng 499 nghìn tỷ đồng đã được các ngân hàng bơm thêm ra nền kinh tế 9 tháng đầu năm, đưa tổng dư nợ tín dụng hiện hữu của hệ thống lên gần 8,7 triệu tỷ đồng.

Sau khi tăng chậm trong quý I/2020 (tháng 1 tăng 0,01%, tháng 2 tăng 0,2%, tháng 3 tăng 1,3%), bước sang quý II tín dụng đã bắt đầu tăng dần với tăng trưởng tháng 4 là 1,42%, tháng 5 là 1,96% và tháng 6 là 3,63%. Bước sang quý III, tín dụng toàn nền kinh tế đã bắt đầu khởi sắc với tốc độ tăng trưởng trong tháng 7 đạt 4,03%, tháng 8 tăng 4,75% và đến hết tháng 9 là 6,09%.

Mặc dù phục hồi khá trở lại, song so với cùng kỳ năm ngoái (tăng 9,4%), tín dụng vẫn còn tăng chậm. Trong những tháng cuối năm, tín dụng được kỳ vọng sẽ tiếp tục có mức tăng khá, dự kiến cả năm 2020 có khả năng đạt 8%-10%.

NHNN cam kết sẽ đáp ứng đầy đủ nhu cầu vốn của nền kinh tế, sẽ tạo thanh khoản thuận lợi nhất để các ngân hàng thương mại có điều kiện giảm lãi suất cho vay hỗ trợ khách hàng; tiếp tục xem xét điều chỉnh hạn mức tăng trưởng tín dụng tạo điều kiện cho tổ chức tín dụng mở rộng cấp tín dụng cho người dân, doanh nghiệp, nhưng vẫn phải đảm bảo an toàn, hiệu quả.

Tham khảo: báo cáo của BVSC

NamABank sẽ lên UPCoM giá 13.500 đồng/cp

Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) thông báo 389 triệu cổ phiếu của NamABank với mã NAB sẽ giao dịch trên UPCoM từ ngày 9/10 với giá tham chiếu phiên đầu tiên là 13.500 đồng/cp.

Trong số lượng cổ phiếu lên sàn, có 49,3 triệu đơn vị bị hạn chế chuyển nhượng, trong đó đa số là cổ phần của các thành viên HĐQT, BKS, Tổng giám đốc. Theo quy định, số cổ phần này không được chuyển nhượng trong thời gian người đại diện đang đảm nhiệm chức vụ tại ngân hàng, phần còn lại khoảng hơn 1.000 cổ phiếu lẻ bị hạn chế chuyển nhượng phát sinh do làm tròn số trong đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.

Sau khi được VSD cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán và cấp mã cổ phiếu NAB, ngân hàng cũng thông tin về việc khoá room ngoại ở mức tối đa là 30%. Cổ đông lớn nhất của ngân hàng là Công ty TNHH Ròng Thái Bình Dương nắm gần 11%.

NamABank sẽ là ngân hàng thứ ba đưa cổ phiếu lên giao dịch tập trung trong năm nay sau Viet Capital Bank và Saigonbank.

Tin doanh nghiệp niêm yết

Hòa Phát tiêu thụ 522.000 tấn thép trong tháng 9

Tập đoàn Hòa Phát (HoSE: HPG) thông tin trong tháng 9 tiêu thụ 522.000 tấn thép.

Trong đó, sản lượng thép xây dựng thành phẩm ghi nhận mức kỷ lục 352.000 tấn, tăng 82,3% so với cùng kỳ năm trước và tăng 10% so với tháng trước. Với phôi thép, tập đoàn bán 170.000 tấn, tương đương tháng trước.

Lũy kế 9 tháng, Hòa Phát ghi nhận sản lượng tiêu thụ hơn 4 triệu tấn thép thô, gấp 2 lần năm 2019. Trong đó, thép xây dựng thành phẩm đạt gần 2,5 triệu tấn, tăng 27% so với cùng kỳ còn lại là phôi thép, thép cuộn cán nóng (HRC). Thị phần thép Hòa Phát ghi nhận trên 32%.

Theo đó, tỷ trọng bán hàng thép Hòa Phát đã thay đổi theo hướng tăng mạnh ở khu vực phía Nam và xuất khẩu. Năm 2016, khu vực phía Nam chỉ chiếm 10% sản lượng, nhưng 9 tháng năm nay tăng lên 23%, gần 1/4 tổng tiêu thụ thép thành phẩm.

Về thị trường xuất khẩu, Hòa Phát đã xuất hơn 370.000 tấn thép xây dựng, tăng 95% so với cùng kỳ. Các thị trường chính gồm Nhật Bản, Hàn Quốc, Malaysia, Australia, Canada, Thái Lan, Campuchia, Lào. Tổng khối lượng phôi thép đã xuất kho theo hợp đồng cung cấp cho khách hàng đạt là 1,25 triệu tấn.

Vingroup đề xuất làm nhà máy điện LNG tại Hà Tĩnh, tổng đầu tư 50.000 tỷ đồng

Tập đoàn Vingroup (HoSE: VIC) có văn bản gửi UBND tỉnh Hà Tĩnh đề xuất việc khảo sát, nghiên cứu đầu tư dự án nhà máy điện LNG Vũng Áng 3 tại khu kinh tế Vũng Áng, thị xã Kỳ Anh.

Theo đề xuất này, dự án nhà máy điện LNG Vũng Áng 3 có tổng mức đầu tư khoảng 50.000 tỷ đồng (xấp xỉ 2,1 tỷ USD), trong đó vốn chủ sở hữu 15.000 tỷ đồng, chiếm 30% tổng vốn đầu tư; vốn từ nguồn huy động khác là 35.000 tỷ đồng.

Dự án có diện tích khoảng 160 ha đất liền và 100 ha đất mặt nước, bao gồm xây dựng hệ thống cảng tiếp nhận LNG, kho chứa và nhà máy điện LNG. Hệ thống cảng tiếp nhận LNG có công suất 1,5 triệu tấn/năm, gồm nhà máy điện tubin khí chu trình hỗn hợp với tổng công suất 1.600MW.

TNG tạm ứng cổ tiền mặt đợt 1/2020 tỷ lệ 4%

Đầu tư và Thương mại TNG (HNX: TNG) thông báo chốt danh sách cổ đông để thực hiện tạm ứng cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền mặt với tỷ lệ 4% (1 cổ phiếu được nhận 400 đồng). Với gần 74 triệu cổ phiếu đang lưu hành, số tiền chi ra trong đợt này là gần 30 tỷ đồng.

Ngày đăng ký cuối cùng vào 27/10 và thời gian thanh toán dự kiến là 12/11.

Năm 2020, công ty đề ra kế hoạch doanh thu 4.600 tỷ đồng và lãi sau thuế 230 tỷ đồng, tương đương năm trước. Kế hoạch cổ tức cho năm 2020 là tỷ lệ 16% bằng tiền mặt.

Theo báo cáo kinh doanh 8 tháng, doanh thu thuần giảm hơn 3% còn 3.062 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế giảm 24% xuống 120 tỷ đồng, thực hiện 52% kế hoạch năm. Công ty cơ bản đã ký hợp đồng đủ sản xuất hết quý IV và tiếp tục nhận đơn đặt hàng cho năm 2021.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	LIX	Nắm giữ	16/09/20	61	56.8	7.4%	68	19.7%	54.9	-3.3%	Vượt kháng cự

Danh mục cổ phiếu quan sát

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Hỗ trợ / Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	FRT	Quan sát mua	07/10/20	24.45	27.7	Tín hiệu tích lũy tích cực với chòm MA5, 10, 20 hội tụ, quay lại đóng cửa trên MA5 -> khả năng có cơ hội phục hồi trở lại nếu vượt qua được MA20.
2	TCH	Quan sát mua	07/10/20	21.55	24.8	Đường giá có diễn biến tích cực kèm vol tăng + chòm MA5, 10, 20 có dấu hiệu phân kỳ dương. -> chờ phiên breakout thoát nền 22 sẽ cho tín hiệu vào nhịp phục hồi mới
3	AGM	Quan sát mua	07/10/20	13.3	14.5	Đường giá bật tăng tích cực từ vùng hỗ trợ MA 50 và 100, cùng với phiên cắt lên MA5. -> cổ phiếu có cơ hội quay lại xu hướng phục hồi.
4	FPT	Quan sát mua	07/10/20	50.5	54.5	Đường giá được hỗ trợ mạnh bởi nền tích lũy quanh MA20. -> chờ phiên breakout vượt đỉnh 51.7 sẽ cho tín hiệu thoát nhịp điều chỉnh và quay lại xu hướng tăng

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	LIX	Nắm giữ	16/09/20	61	56.8	7.4%	68	19.7%	54.9	-3%	Nâng giá mục tiêu lên 68 ngàn
2	MWG	Nắm giữ	17/09/20	105.2	94.6	11.2%	112	18.4%	90	-5%	
3	VNM	Mua	21/09/20	107	103.6	3.3%	112.5	9%	101.6	-2%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

4	CTG	Mua	23/09/20	27.2	25.8	5.4%	28	9%	25.2	-2%
5	HPG	Mua	28/09/20	28.25	25.75	9.7%	30	17%	25	-3%
6	KBC	Mua	29/09/20	15	14.3	4.9%	15.8	10%	13.8	-3%
7	BFC	Mua	01/10/20	16.85	17	-0.9%	18.7	10%	16.3	-4%
8	KSB	Mua	05/10/20	32.45	31.1	4.3%	35	13%	29.8	-4%
9	BMP	Mua	06/10/20	61.4	61.9	-0.8%	71	15%	59	-5%

Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thống kê giao dịch chứng quyền ngày 06/10/2020							Thông tin chứng quyền					
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CCTD2001	1,540	940	-6.0 %	-39%	3,615	71	64,500	2	KIS	CTD	80,888	10	16/12/2020
CFPT2003	7,300	11,330	4.4 %	55%	1,016	34	50,500	919	SSI	FPT	50,000	1	09/11/2020
CFPT2006	1,500	1,820	4.0 %	21%	2,585	23	50,500	1,452	HCM	FPT	44,386	4	29/10/2020
CFPT2007	1,690	1,680	1.8 %	-1%	1,532	17	50,500	1,412	MBS	FPT	43,500	5	23/10/2020
CFPT2008	1,500	1,420	0.7 %	-5%	4,939	100	50,500	683	HCM	FPT	48,000	5	14/01/2021
CFPT2009	2,480	2,280	1.3 %	-8%	1,954	73	50,500	1,361	MBS	FPT	46,800	3	18/12/2020
CHDB2006	2,180	3,620	-6.7 %	66%	3,258	2	24,700	10	MBS	HDB	24,700	2	08/10/2020
CHPG2008	4,100	6,990	17.9 %	70%	28,511	55	28,250	788	SSI	HPG	28,000	1	30/11/2020
CHPG2009	1,600	5,980	9.1 %	274%	10,908	23	28,250	2,896	HCM	HPG	22,500	2	29/10/2020
CHPG2012	6,100	8,760	9.2 %	44%	18,383	104	28,250	2,336	SSI	HPG	26,500	1	18/01/2021
CHPG2013	6,900	10,860	11.7 %	57%	3,489	56	28,250	4,362	SSI	HPG	24,000	1	01/12/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CHPG2014	7,200	9,800	9.4 %	36%	2,599	195	28,250	3,275	SSI	HPG	26,500	1	19/04/2021
CHPG2015	6,700	9,470	12.1 %	41%	11,291	146	28,250	2,756	SSI	HPG	26,500	1	01/03/2021
CHPG2016	2,200	4,100	14.2 %	86%	40,298	100	28,250	803	HCM	HPG	27,500	2	14/01/2021
CHPG2019	1,630	2,520	14.6 %	55%	57,001	73	28,250	2,150	MBS	HPG	24,100	2	18/12/2020
CMBB2003	2,000	2,730	3.8 %	37%	11,744	34	17,850	157	SSI	MBB	18,000	1	09/11/2020
CMBB2005	2,000	690	-1.4 %	-66%	582	20	17,850	0	VCI	MBB	20,000	1	26/10/2020
CMBB2006	1,100	2,040	2.5 %	85%	11,327	23	17,850	691	HCM	MBB	16,500	2	29/10/2020
CMBB2007	1,400	2,140	2.4 %	53%	43,044	100	17,850	603	HCM	MBB	17,000	2	14/01/2021
CMSN2001	2,300	640	48.8 %	-72%	25,095	71	58,000	6	KIS	MSN	65,789	5	16/12/2020
CMSN2005	2,100	450	45.2 %	-79%	67,989	23	58,000	5	HCM	MSN	60,000	5	29/10/2020
CMSN2006	1,900	1,500	16.3 %	-21%	34,652	100	58,000	679	HCM	MSN	56,000	5	14/01/2021
CMSN2008	1,530	1,680	12.0 %	10%	11,809	62	58,000	1,062	MBS	MSN	53,000	5	07/12/2020
CMWG2006	2,000	310	0 %	-85%	2,003	20	105,200	2	VCI	MWG	110,000	5	26/10/2020
CMWG2007	12,900	20,190	7.3 %	57%	1,163	55	105,200	18,596	SSI	MWG	87,000	1	30/11/2020
CMWG2008	1,300	2,120	7.6 %	63%	25,037	21	105,200	2,035	HCM	MWG	85,000	10	27/10/2020
CMWG2009	1,600	2,800	0.7 %	75%	1,392	17	105,200	2,914	MBS	MWG	82,000	8	23/10/2020
CMWG2010	1,400	2,750	7.8 %	96%	16,713	100	105,200	2,389	HCM	MWG	82,000	10	14/01/2021
CMWG2011	2,980	4,240	1.0 %	42%	198	73	105,200	3,746	MBS	MWG	87,000	5	18/12/2020
CMWG2012	4,390	5,850	5.2 %	33%	7,279	125	105,200	5,212	SSI	MWG	80,000	5	08/02/2021
CNVL2001	2,300	1,990	1.0 %	-13%	1	71	63,300	49	KIS	NVL	65,888	4	16/12/2020
CNVL2002	2,000	2,300	-1.7 %	15%	1,715	155	63,300	931	KIS	NVL	59,889	5	10/03/2021
CPNJ2003	2,000	110	-8.3 %	-95%	523	20	61,100	(0)	VCI	PNJ	75,000	5	26/10/2020
CPNJ2005	1,000	400	0 %	-60%	28,741	23	61,100	132	HCM	PNJ	60,000	10	29/10/2020
CPNJ2006	1,000	830	1.2 %	-17%	4,982	100	61,100	369	HCM	PNJ	59,000	10	14/01/2021
CPNJ2007	1,670	2,070	0 %	24%	9,117	45	61,100	1,660	MBS	PNJ	53,000	5	20/11/2020
CPNJ2008	3,030	2,780	-1.1 %	-8%	8,510	125	61,100	2,338	SSI	PNJ	50,000	5	08/02/2021
CREE2003	1,000	2,330	-0.4 %	133%	3,668	23	41,700	2,351	HCM	REE	30,000	5	29/10/2020
CREE2004	1,570	3,800	-3.3 %	142%	420	17	41,700	4,081	MBS	REE	29,500	3	23/10/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CREE2005	1,300	2,560	-0.4 %	97%	4,464	100	41,700	2,367	HCM	REE	32,500	4	14/01/2021
CROS2002	1,000	160	6.7 %	-84%	20,425	71	2,330	(0)	KIS	ROS	7,227	1	16/12/2020
CSBT2001	2,900	580	-1.7 %	-80%	8,118	71	16,000	0	KIS	SBT	21,111	1	16/12/2020
CSTB2002	1,700	2,760	16.5 %	62%	15,585	71	14,200	2,383	KIS	STB	11,888	1	16/12/2020
CSTB2004	1,400	3,380	12.7 %	141%	28,526	55	14,200	3,250	SSI	STB	11,000	1	30/11/2020
CSTB2005	1,080	1,400	33.3 %	30%	28,310	28	14,200	1,208	KIS	STB	11,811	2	03/11/2020
CSTB2006	1,500	1,530	12.5 %	2%	27,222	181	14,200	942	KIS	STB	12,888	2	05/04/2021
CSTB2008	1,500	4,250	14.9 %	183%	23,922	45	14,200	4,038	MBS	STB	10,200	1	20/11/2020
CSTB2009	1,650	3,700	12.1 %	124%	24,183	73	14,200	3,366	MBS	STB	10,900	1	18/12/2020
CTCB2003	2,000	170	-26.1 %	-92%	6,357	20	22,400	0	VCI	TCB	25,000	1	26/10/2020
CTCB2005	3,000	1,770	-2.2 %	-41%	9,888	55	22,400	731	SSI	TCB	22,000	1	30/11/2020
CTCB2006	1,200	2,160	-6.1 %	80%	11,507	23	22,400	2,217	HCM	TCB	18,000	2	29/10/2020
CTCB2007	1,700	1,790	-4.3 %	5%	18,497	100	22,400	1,321	HCM	TCB	20,000	2	14/01/2021
CTCB2008	1,720	1,870	0 %	9%	4,070	73	22,400	1,270	MBS	TCB	20,000	2	18/12/2020
CVHM2001	3,100	880	0 %	-72%	1	71	76,100	0	KIS	VHM	94,567	5	16/12/2020
CVHM2002	11,500	4,680	-1.9 %	-59%	5,511	55	76,100	1,276	SSI	VHM	77,000	1	30/11/2020
CVHM2003	1,000	790	-1.3 %	-21%	38,591	23	76,100	623	HCM	VHM	70,000	10	29/10/2020
CVHM2005	1,400	770	0 %	-45%	15,927	100	76,100	185	HCM	VHM	79,000	10	14/01/2021
CVHM2007	2,900	1,830	-1.1 %	-37%	14,991	125	76,100	893	SSI	VHM	75,000	5	08/02/2021
CVJC2001	2,400	150	0 %	-94%	400	71	104,500	(0)	KIS	VJC	173,137	10	16/12/2020
CVJC2002	1,900	200	-13.0 %	-89%	1,854	23	104,500	0	HCM	VJC	116,000	10	29/10/2020
CVJC2005	2,000	1,390	-4.1 %	-31%	3,286	125	104,500	699	SSI	VJC	100,000	10	08/02/2021
CVNM2004	17,500	17,890	-5.1 %	2%	3,588	55	107,000	25	SSI	VNM	118,000	1	30/11/2020
CVNM2005	1,500	2,960	-1.7 %	97%	6,381	23	107,000	420	HCM	VNM	103,000	10	29/10/2020
CVNM2007	2,400	1,590	0 %	-34%	1,235	155	107,000	11	KIS	VNM	138,888	10	10/03/2021
CVNM2008	1,800	2,340	-2.1 %	30%	10,900	100	107,000	122	HCM	VNM	114,000	10	14/01/2021
CVNM2009	1,810	2,750	-2.8 %	52%	2,572	62	107,000	235	MBS	VNM	107,000	10	07/12/2020
CVNM2010	2,680	2,730	-1.8 %	2%	4,122	125	107,000	335	SSI	VNM	110,000	10	08/02/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVPB2006	3,400	1,710	-2.8 %	-50%	21,447	55	24,150	688	SSI	VPB	24,000	1	30/11/2020
CVPB2007	1,700	1,080	-5.3 %	-36%	27,911	23	24,150	847	HCM	VPB	22,500	2	29/10/2020
CVPB2008	1,800	1,910	9.1 %	6%	4,457	100	24,150	1,271	HCM	VPB	22,000	2	14/01/2021
CVPB2009	1,630	2,270	0 %	39%	14,969	45	24,150	2,013	MBS	VPB	20,200	2	20/11/2020
CVRE2003	3,000	-	0 %	-100%	-	71	27,500	0	KIS	VRE	37,999	2	16/12/2020
CVRE2005	4,000	1,790	5.3 %	-55%	2,226	55	27,500	454	SSI	VRE	28,000	1	30/11/2020
CVRE2006	1,100	1,200	3.5 %	9%	21,062	23	27,500	1,136	HCM	VRE	23,000	4	29/10/2020
CVRE2007	1,520	510	0 %	-66%	36,748	181	27,500	103	KIS	VRE	33,333	5	05/04/2021
CVRE2008	1,200	1,010	2.0 %	-16%	45,277	100	27,500	539	HCM	VRE	26,000	4	14/01/2021

Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá mục tiêu*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2020E (tỷ)	EPS 2020E	BV 2020E	ROE 2020E	ROA 2020E	PE 2020E	PB 2020E	Cổ tức dự kiến**
HBC (New)	HOSE	11,700	10,350	02/10/2020	145	675	17,865	4%	1.0%	15.3	0.6	0%
KBC (New)	HOSE	15,000	17,700	02/10/2020	531	1,131	20,813	5%	3.3%	9.4	0.6	-
ANV (New)	HOSE	20,450	22,200	30/09/2020	249	1,952	19,165	10%	5.7%	11.4	1.2	10%
DXG (New)	HOSE	11,400	14,650	29/09/2020	612	1,345	16,715	7%	2.8%	4.8	0.9	-
ACV (New)	UPCOM	65,100	71,600	29/09/2020	2,208	1,008	14,342	6%	3.8%	71.5	5.0	5%
NLG (New)	HOSE	26,400	32,300	28/09/2020	870	3,555	23,659	14%	8.0%	7.9	1.0	5%
IMP	HOSE	48,000	46,100	21/09/2020	174	2,711	27,620	10%	8.3%	17.0	1.7	20%
CTD	HOSE	64,500	90,400	16/09/2020	824	10,391	113,736	9%	5.0%	8.7	0.8	30%
DBD	HOSE	46,900	39,000	11/09/2020	143	2,733	18,708	15%	8.2%	14.1	2.1	15%
VCB	HOSE	83,900	78,000	07/09/2020	17,662	4,762	26,585	20%	1.5%	16.4	2.9	0%
AST	HOSE	50,900	40,000	07/09/2020	6	133	17,827	1%	0.5%	301.4	2.2	10%
PHR	HOSE	58,700	57,615	04/09/2020	1,180	8,709	22,532	28%	14.1%	6.2	2.3	30%
VRE	HOSE	27,500	39,500	03/09/2020	2,445	1,109	11,914	8%	6.4%	23.3	2.6	-
POW	HOSE	10,750	12,800	01/09/2020	2,655	971	13,557	8%	5.0%	13.2	0.9	0%

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

MWG	HOSE	105,200	105,600	28/08/2020	3,496	7,717	32,797	24%	7.5%	13.7	3.2	15%
NVL	HOSE	63,300	64,350	28/08/2020	3,547	3,699	25,725	13%	3.8%	20.3	2.1	-
NT2	HOSE	23,550	27,600	27/08/2020	775	2,691	14,445	19%	11.0%	10.3	1.9	25%
SCS	HOSE	121,000	120,000	27/08/2020	403	7,468	20,060	40%	36.9%	16.1	6.0	36%
MSN	HOSE	58,000	62,400	24/08/2020	1,026	877	27,165	2%	0.4%	71.2	2.3	10%
HPG	HOSE	28,250	28,700	18/08/2020	9,638	2,889	16,628	18%	9%	9.9	1.7	5%

* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

** Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2020 trên mệnh giá.

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Quản Lý Quỹ Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Quản Lý Quỹ Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng (PHFM).

Tòa nhà CR3-05B, Tầng 5, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5413 7991

Web: www.phfm.vn